

CHIẾN LƯỢC

Phát triển Trường Đại học Kinh tế giai đoạn 2015 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 289/QĐ- ĐHKT ngày 18 tháng 03 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

I. VIỄN CẢNH, SỨ MỆNH, HỆ THỐNG GIÁ TRỊ

Mục tiêu của nền giáo dục tiên tiến là hướng tới xây dựng một xã hội nhân văn, thịnh vượng và phát triển con người toàn diện. Do đó, một hệ thống giáo dục phải đảm bảo tính nhân bản, tinh thần tự do và khả năng học tập suốt đời của mỗi cá nhân.

Giáo dục đại học có sứ mệnh giúp con người làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực được đào tạo. Mỗi thành tố trong hệ thống giáo dục đại học có nhiệm vụ hun đúc tinh thần khoa học, khơi dậy, nuôi dưỡng, phát triển tài năng của mỗi cá nhân, góp phần xây dựng một xã hội phồn vinh và tốt đẹp.

Trên cơ sở triết lý giáo dục đó, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng hướng tới giáo dục đại học có một vai trò làm “*nền tảng kiến tạo xã hội tương lai*” và tuyên bố viễn cảnh, sứ mạng, hệ thống giá trị sau:

1. Viễn cảnh

Khát vọng của chúng tôi là trở thành đại học nghiên cứu hàng đầu Việt Nam, đóng góp tích cực vào sự thịnh vượng của cộng đồng ASEAN và tri thức nhân loại.

2. Sứ mệnh

Là một trường đại học định hướng nghiên cứu, chúng tôi tạo dựng môi trường học thuật tiên tiến nhằm thúc đẩy khám phá, ứng dụng, chuyển giao tri thức khoa học kinh tế và quản lý, đảm bảo nền tảng thành công và năng lực học tập suốt đời cho người học, nuôi dưỡng và phát triển tài năng, giải quyết các thách thức kinh tế - xã hội phục vụ sự phát triển thịnh vượng của cộng đồng.

3. Hệ thống giá trị

Những giá trị được Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng xây dựng, bảo vệ và phát triển trở thành nền tảng định hướng mọi hoạt động là: sự chính trực, tôn trọng, cảm thông, hợp tác, sáng tạo.

Sự chính trực: thực hành các nguyên tắc đề cao sự thật, minh bạch và không gian dối.

Tôn trọng cá nhân: nguyên tắc hành xử có tính nhân văn và chuẩn mực, trong đó các thành viên phải tôn trọng con người, tôn trọng các giá trị cá nhân và tôn trọng sự khác biệt.

Cảm thông: tất cả thành viên hành động với tinh thần sẻ chia và đồng cảm.

Hợp tác: tinh thần hỗ trợ lẫn nhau của các thành viên.

Sáng tạo: đề cao tinh thần sáng tạo, khám phá và đổi mới: các thành viên được khuyến khích theo đuổi các tư tưởng và quan điểm mới, liên tục đổi mới và chấp nhận sự khác biệt.

II. PHÂN TÍCH BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG

1. Bối cảnh quốc tế

Tình hình chính trị - an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, diễn biến rất phức tạp, khó lường; tranh tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên Biển Đông tiếp tục diễn ra gay gắt, phức tạp, đặt cho giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng về đào tạo con người đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ toàn vẹn chủ quyền Tổ quốc trong tình hình mới.

Hội nhập quốc tế là xu thế tất yếu, tạo cơ hội cho giáo dục đại học Việt Nam tiếp cận nền giáo dục tiên tiến của thế giới, song cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp biến động từ bên ngoài. Kinh tế thế giới phục hồi chậm, gặp nhiều khó khăn, thách thức và còn có nhiều biến động khó lường. Các quốc gia tham gia ngày càng sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Hầu hết các nước trên thế giới đều điều chỉnh chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới thể chế kinh tế, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ để phát triển. Cạnh tranh kinh tế, thương mại, tranh giành các nguồn tài nguyên, thị trường, công nghệ diễn ra gay gắt, các quốc gia phải thường xuyên đổi mới công nghệ để tăng năng suất lao động. Điều đó đã đặt vị trí mới cho giáo dục, nhất là giáo dục đại học. Hầu hết các trường đại học trên

thế giới đang tiến hành cải cách toàn diện để trở thành những trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất, chuyển giao công nghệ và xuất khẩu tri thức. Chương trình và phương pháp giáo dục đại học tiếp tục được thay đổi để cung cấp các tri thức hiện đại, đáp ứng yêu cầu mới phát triển của nền kinh tế và cạnh tranh thành công.

Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật tiếp tục phát triển mạnh mẽ, trở thành động lực cơ bản của sự phát triển kinh tế - xã hội, đòi hỏi giáo dục đại học phải nâng cao chất lượng đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao cho xã hội.

2. Tình hình trong nước

Kinh tế Việt Nam từng bước ra khỏi tình trạng suy giảm, lấy lại đà tăng trưởng, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế vĩ mô ổn định chưa vững chắc, nợ công tăng nhanh, nợ xấu đang giảm dần nhưng còn ở mức cao, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh kinh tế thấp, nhiều doanh nghiệp bị phá sản là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình hình thất nghiệp, sinh viên ra trường không tìm được việc, đang là vấn đề nhức nhối xã hội.

Năm năm tới là thời kỳ Việt Nam thực hiện đầy đủ các cam kết trong Cộng đồng ASEAN, WTO và TPP. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế với tầm mức sâu rộng như vậy, giáo dục đại học phải nỗ lực rất cao để hội nhập thành công.

Đảng và Chính phủ đang tiến hành đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI và Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng đã định hướng cho sự phát triển giáo dục trong trong thời gian tới, làm cơ sở cho các trường đại học hoạch định chiến lược phát triển. Các nghị quyết của Đảng nêu rõ: Chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn. Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Đổi mới chương trình, nội dung giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực. Chú trọng phát triển năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội, từng bước tiếp cận trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, hình thức và phương

pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan. Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục, đào tạo. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Việc tuyển sinh giáo dục đại học chính qui có thay đổi căn bản, thực hiện 2 trong 1, sử dụng kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia làm căn cứ xét tuyển vào đại học.

Tình hình trên đòi hỏi phải đổi mới mạnh mẽ, quyết liệt về mọi mặt để đưa Nhà trường phát triển.

3. Đặc điểm của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

3.1. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng là Khoa Kinh tế thuộc Viện Đại học Đà Nẵng (sau đổi tên thành Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng) được thành lập vào tháng 7 năm 1975. Sau nhiều lần thay đổi, đến năm 2004, Nhà trường chính thức mang tên Trường Đại học Kinh tế thuộc Đại học Đà Nẵng theo Quyết định số 129/CP-KG của Chính phủ.

Khi thành lập Trường chỉ có 01 khoa trực thuộc chưa tới 20 cán bộ, giảng viên với 02 chuyên ngành đào tạo, mỗi năm chỉ tuyển sinh trên dưới 100 sinh viên đại học. Hiện nay, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng đã là một cơ sở đào tạo đại học đa ngành, đa cấp; một trung tâm nghiên cứu, tư vấn chuyển giao khoa học kinh tế và quản lý hàng đầu ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

Qua 40 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn chú trọng mở rộng qui mô, gắn với nâng cao chất lượng, xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy vững mạnh về mọi mặt; đổi mới nội dung chương trình; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình; tăng cường công tác quản lý, công tác giáo dục chính trị - tư tưởng; thực hiện phương châm đào tạo lý luận gắn với thực tiễn.

Đến nay, Nhà trường đã có nhiều khoa chuyên ngành đạt chuẩn chất lượng cao, đào tạo ra hàng chục ngàn cán bộ quản lý, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, trực tiếp ở miền Trung – Tây nguyên. Từ sự đóng góp to lớn đó, Nhà trường đã vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (2001), Huân chương Lao động hạng Nhì (2005), Huân chương Lao động hạng Nhất (2015) cùng nhiều Bằng khen và cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Giáo dục & Đào tạo, của các Tỉnh, Thành phố. Các tổ chức đoàn thể chính trị xã

hội trong Trường như Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội sinh viên luôn là những tổ chức trong sạch, vững mạnh, tiên phong và đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước và các tổ chức cấp trên.

3.2. Bộ máy tổ chức quản lý của Trường

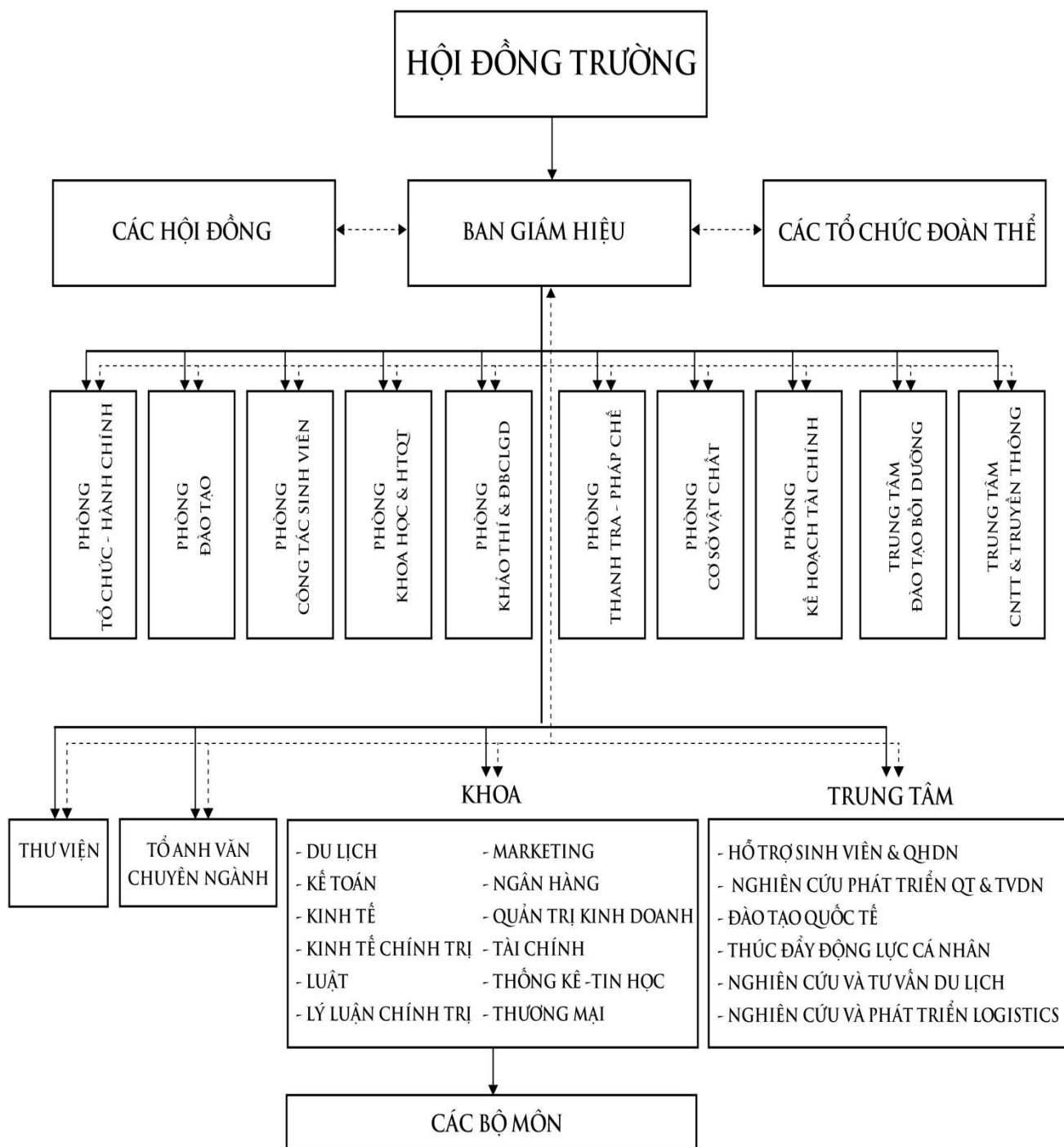
Trường Đại học Kinh tế là đơn vị thành viên của Đại học Đà Nẵng, hoạt động theo Luật Giáo dục Đại học, Điều lệ Trường đại học, Quy chế Đại học vùng và các quy định phân cấp quản lý của Đại học Đà Nẵng. Về mặt cơ cấu quản lý, mối quan hệ giữa các cấp là trực tuyến chức năng, với 03 cấp theo quy định của Luật Giáo dục đại học, như sau:

- Cấp trường: Cấp trường có cơ cấu tổ chức bao gồm Hội đồng Trường, Ban giám hiệu. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng trường, của Ban giám hiệu và của các phòng chức năng được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

- Cấp khoa, phòng và trung tâm: Trường hiện có 12 khoa, 8 phòng chức năng, 8 trung tâm và Thư viện. Khoa là các đơn vị chuyên môn, trực tiếp thực hiện các hoạt động liên quan đến đào tạo đại học và sau đại học, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng, quan hệ doanh nghiệp và quản lý cán bộ trực thuộc của đơn vị theo phân cấp quản lý của Trường. Các phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được Hiệu trưởng giao. Các trung tâm là đơn vị trực tiếp thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao theo đề án được phê duyệt, được quản lý theo Quy chế tổ chức và hoạt động của các trung tâm. Chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị được quy định cụ thể trong Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Kinh tế.

- Cấp bộ môn: Trường có 25 bộ môn. Đây là cấp quản lý chuyên môn của nhà trường, trong đó 21 bộ môn được giao phụ trách các chuyên ngành đào tạo đại học của Trường (trừ bộ môn tiếng Anh chuyên ngành, một số bộ môn của Khoa Lý luận chính trị và Khoa Kinh tế chính trị không phải là bộ môn quản lý chuyên ngành đào tạo).

Sơ đồ 1: SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC



Nhìn chung, cơ cấu tổ chức quản lý của Trường Đại học Kinh tế khá gọn nhẹ, phù hợp với đặc thù của cơ sở giáo dục đại học hoạt động trong cơ chế Đại học Vùng, phù hợp với quy định của Luật giáo dục đại học và với quy mô, tính chất của Trường. Việc phân định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp quản lý, giữa các bộ phận trong cơ cấu tổ chức của Nhà trường là rất rõ ràng và hợp lý, minh bạch, nhất quán và khoa học.

3.3. Đặc điểm các nguồn lực phát triển của Nhà trường

Về nguồn nhân lực: Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên phục vụ đóng vai trò rất quan trọng trong chiến lược phát triển của Trường. Nhờ được quan tâm đặc biệt của lãnh đạo qua các thời kỳ nên đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên của Trường đã tăng lên nhanh chóng, cả về số lượng lẫn chất lượng và tính hợp lý của cơ cấu. Tính đến thời điểm 31/12/2015, Trường có đội ngũ cán bộ, giảng viên là 378 người, trong đó có 264 cán bộ giảng dạy gồm: 04 giáo sư, 15 phó giáo sư, 55 tiến sĩ, 159 thạc sĩ, 03 giảng viên cao cấp, 03 nhà giáo ưu tú, 65 giảng viên chính và trên 50 cán bộ giảng dạy đang làm nghiên cứu sinh, học cao học ở nước ngoài. Tỷ lệ giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên của Trường hiện đã đạt 88,25%, trong đó chủ yếu là được đào tạo từ nước ngoài. Tuổi bình quân của giảng viên tại Trường hiện tại là 41 tuổi, tuổi bình quân của đội ngũ cán bộ quản lý là 46 tuổi, một độ tuổi rất thích hợp cho những dự định chiến lược có tính đột phá của Trường trong tương lai. Đây chính là năng lực cốt lõi của Trường hiện nay.

Là trường thành viên của Đại học Đà Nẵng, bên cạnh đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý cơ hữu của Nhà trường, Trường Đại học Kinh tế còn được chia sẻ, hỗ trợ nguồn lực về đội ngũ từ các Trường thành viên khác của Đại học Đà Nẵng: Trường Đại học Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm, Trường Đại học Bách khoa, Khoa Giáo dục thể chất, Cơ quan ĐHQĐN và các Trung tâm thuộc ĐHQĐN...

Về cơ sở vật chất: Trong những năm qua, nhờ tăng cường công tác đầu tư nên đến nay Trường đã có một hệ thống cơ sở vật chất khá khang trang với các trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu và sinh hoạt tương đối hiện đại, cơ bản đáp ứng được các hoạt động mới giáo dục đại học đang được triển khai tại Trường. Đặc biệt hệ thống thư viện đã được tăng cường đầu tư lớn. Nhờ đó số lượng đầu sách hiện có lên 12.906 với 228.711 bản sách, trong đó có nhiều bản sách ngoại văn có giá trị cao đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của giáo viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ sinh hoạt như sân chơi thể thao, nhà tập, căn tin, ký túc xá, không gian cây xanh, ghế đá... được cải tạo, xây mới hoặc trang bị tương đối đồng bộ và tiện dụng trên khuôn viên rộng gần 4,5 ha ngay trong nội đô thành phố. Trường hiện có trên 90 phòng học và phòng tự học với tổng diện tích 18.142 m², có sức chứa trên 5.000

chỗ ngồi tại mỗi thời điểm, trong đó có gần 30 phòng đã được cải tạo, trang bị mới hiện đại đáp ứng yêu cầu học tập của sinh viên chất lượng cao, sinh viên các chương trình liên kết đào tạo quốc tế. Ngoài ra, Trường còn có 04 phòng máy tính với gần 250 máy nối mạng internet được mở cửa thường xuyên cho sinh viên sử dụng. Có 03 hội trường, nhiều phòng họp nhỏ và phòng chuyên đề phục vụ cho nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và quản lý điều hành của nhà trường. Hệ thống máy chủ được đầu tư đồng bộ với nhiều phần mềm chuyên dụng đã giúp cho công tác quản lý điều hành, công tác quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học được tin học hóa cao, là tiền đề quan trọng để phát triển hệ thống quản trị trường đại học theo hướng hiện đại.

Về liên kết trong đào tạo và nghiên cứu khoa học: Trong điều kiện hội nhập hiện nay, sự phát triển của một trường đại học không thể tách rời quan hệ hợp tác, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, nhất là trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trong những năm qua, Trường ĐHKT đã có rất nhiều nỗ lực trong việc thiết lập và phát triển các mối quan hệ hợp tác với các cơ sở giáo dục, các tổ chức khoa học công nghệ trong nước và quốc tế. Cụ thể, hiện nay Trường đang có quan hệ chặt chẽ trên nhiều lĩnh vực với các Trường đại học uy tín trong lĩnh vực kinh tế và quản lý như Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Thương mại ...; liên kết đào tạo đại học với 18 trung tâm và cơ sở giáo dục trong cả nước; hợp tác với 3 cơ sở giáo dục đại học trong nước để đào tạo sau đại học. Đặc biệt, Trường đã và đang có quan hệ hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu khoa học với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu nước ngoài như: Đại học Towson, Đại học Keuka (Mỹ); Sunderland (Anh); Học viện dân tộc Quảng Tây (Trung Quốc) để đào tạo đại học; Đại học Stirling (Anh), Đại học Liege (Bi), Đại học Văn Tảo (Đài Loan) để đào tạo sau đại học; hợp tác trao đổi sinh viên với Đại học Saxion (Hà Lan), Đại học Newcastle (Anh), Đại học Massey (Niu-di-lân)... Đây chính là tiền đề, là điều kiện quan trọng để Trường Đại học Kinh tế tiếp tục phát triển lên một tầm cao mới, ngang tầm khu vực và thế giới trong tương lai.

Về nguồn lực tài chính: Là 01 cơ sở đại học công lập tự chủ một phần tài chính, trong những năm qua, nguồn thu của Trường chủ yếu là từ các hoạt động đào tạo. Trong điều kiện nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp không tăng, trong khi nguồn thu từ học phí của các trường đại học công lập bị giới hạn bởi mức

trần học phí theo quy định của Chính phủ, quy mô tuyển sinh các hệ đào tạo phi chính quy giảm nhanh, việc duy trì ổn định nguồn thu của Nhà trường là sự nỗ lực rất lớn. Các số liệu ở bảng 1 cho thấy, học phí hệ chính quy tăng chậm, học phí các hệ vừa làm vừa học và từ các hoạt động đào tạo khác giảm sút rất mạnh, nhưng tổng nguồn thu của Trường vẫn không giảm đó là nhờ sự bù đắp từ nguồn học phí của hệ chất lượng cao.

Bảng 1. NGUỒN THU CỦA TRƯỜNG QUA CÁC NĂM

DVT: 1.000 đ

Khoản mục thu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1.Học phí sau đại học	2.157.284	1.840.669	1.541.754	5.294.083
2.Học phí chính quy	31.048.819	32.372.168	32.602.207	33.256.435
3.Học phí chất lượng cao	1.888.875	4.376.649	5.877.045	12.832.857
4.Học phí VLVH	24.466.076	25.532.774	27.738.340	18.240.470
5.Học phí bằng 2	2.515.284	2.689.645	3.413.098	3.606.012
6.Thu từ hoạt động tài chính	1.328.724	969.670	431.856	1.265.436
7.Thu từ hoạt động đào tạo khác	5.240.658	6.350.387	5.207.546	367.207
8.Thu từ các dịch vụ	2.438.443	1.917.971	2.082.063	1.803.195
9.Thu từ các trung tâm của Trường	9.986.339	9.130.214	8.628.101	7.786.749
10.Ngân sách cấp	18.398.569	23.522.298	24.915.148	25.476.021
TỔNG THU	99.469.071	108.702.445	112.437.158	109.928.465

Mặc dù vẫn duy trì được nguồn thu đáp ứng được các nhu cầu chi tiêu cho các hoạt động cần thiết, nguồn thu này chỉ mới đáp ứng nhu cầu chi tiêu ở mức thấp, chưa thể tích lũy để tái đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo cán bộ, giảng viên và tăng cường ứng dụng các công nghệ đào tạo, quản lý mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của một trường đại học định hướng nghiên cứu.

4. Cơ hội, thách thức, điểm mạnh, điểm yếu

4.1. Cơ hội

- Đảng, Nhà nước và xã hội đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực xây dựng con người; trong đó quan trọng nhất là giáo dục và giáo dục đại học. Điều này đã thể hiện rõ ở Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII về phát huy nhân tố con

người trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội, tập trung, xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc cũng như chiến lược phát triển giáo dục và khoa học công nghệ.

- Trường được sự ủng hộ của lãnh đạo Bộ, các tỉnh Miền Trung – Tây Nguyên và Đại học Đà Nẵng trong hoạt động đào tạo và NCKH;

- Xu hướng đào tạo qua mạng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy phát triển mạnh mẽ. Đây là thời cơ nhưng cũng chính là thách thức rất lớn đối với Nhà trường nếu không kịp nắm bắt cơ hội này.

- Việc hội nhập sâu rộng với thế giới đã tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục đại học tiếp cận với những thành tựu mới nhất trong quản trị đại học cũng như các lĩnh vực khoa học chuyên ngành;

- Việc hình thành AEC và gia nhập TPP cùng nhiều định chế quốc tế khác mặc dù đặt ra nhiều thách thức, song đồng thời cũng đã mang lại nhiều cơ hội lớn cho các trường đại học, trong đó có Trường Đại học Kinh tế - ĐHQĐN tham gia vào thị trường giáo dục đào tạo ngày càng mở rộng;

- Nhu cầu nguồn nhân lực đại học, sau đại học chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội tại các địa phương trong khu vực miền Trung, Tây Nguyên vẫn tiếp tục tăng trong tương lai là cơ hội cho các trường đại học định hướng đào tạo chất lượng cao như Trường Đại học Kinh tế - ĐHQĐN;

- Chính phủ chỉ đạo thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, thực hiện việc phân tầng đại học; việc chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế theo chiều sâu dẫn đến nhu cầu của chính quyền cũng như doanh nghiệp phải không ngừng tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và phương pháp quản lý hiện đại dẫn đến yêu cầu khách quan là phát triển quan hệ giữa nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học mở ra cơ hội lớn cho các trường đại học định hướng nghiên cứu.

- Là một trường thành viên của Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Kinh tế có điều kiện và cơ hội khai thác nguồn lực dùng chung từ các Trường, các đơn vị thành viên của ĐHQĐN

- Quy chế Đại học Vùng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chính thức có hiệu lực có sự phân cấp quản lý theo hướng nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đại học vùng và các cơ sở giáo dục thành viên; khuyến khích các trường thực hiện tự chủ trong giáo dục. Việc đổi mới tuyển sinh đại học cao đẳng,

khuyến khích các trường đại học thực hiện tự chủ... là những cơ hội to lớn để Nhà trường xây dựng các quyết sách phát triển trong giai đoạn mới.

- Là một trường đào tạo trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh của Miền Trung và Tây Nguyên, cộng đồng địa phương luôn quan tâm, tạo điều kiện và hỗ trợ Nhà trường trong việc phát triển giáo dục, nghiên cứu và tư vấn chính sách phát triển.

4.2. Thách thức

- Thách thức lớn nhất đối với Nhà trường trong giai đoạn mới là yêu cầu phát triển, hội nhập theo các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, đặc biệt là công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng, công bố công trình trên các tạp chí quốc tế... trong điều kiện nguồn lực tài chính bị hạn chế.

- Xu hướng toàn cầu hóa đòi hỏi nhà trường phải đa dạng hóa loại hình đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo, sinh viên tốt nghiệp từ Trường Đại học Kinh tế phải có những kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc tốt để có thể hòa nhập vào thị trường lao động Khu vực Đông nam Á và thế giới; sản phẩm đào tạo của trường phải được công nhận ở nước khác đặc biệt khu vực ASEAN. Đây là thách thức rất lớn của trường, đòi hỏi phải làm thế nào để hiện đại hóa công tác giáo dục đại học.

- Sự cạnh tranh ngày càng lớn với các trường đào tạo kinh tế và quản lý trong nước và nước ngoài về nội dung đào tạo, phương pháp đào tạo. Ngày càng có nhiều trường mới tham gia đào tạo những chuyên ngành truyền thống của Nhà trường. Các trường đại học mới đặc biệt các trường dân lập thường gọn, linh hoạt, năng động, tiềm lực tài chính mạnh, dễ chấp nhận cái mới. Việc phát triển một nền giáo dục có yếu tố nước ngoài đang trở thành một xu thế tất yếu, đưa Trường vào một vị trí bất lợi nếu không vận động và kịp thời thay đổi;

- Nhu cầu và xu hướng học tập của xã hội có nhiều thay đổi theo hướng không thuận lợi do quá trình chuyển đổi nền kinh tế tạo ra thách thức cho công tác tuyển sinh, công tác xác định ngành nghề đào tạo của trường. Việc chuyển đổi mô hình phát triển từ chiều rộng sang chiều sâu cùng với quá trình tái cấu trúc các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế vừa là cơ hội nhưng đồng thời cũng là thách thức với Nhà trường vì nó tạo ra nhiều áp lực, rủi ro hơn cho một số chuyên ngành đào tạo truyền thống hoặc mới mở của Trường trong tương lai;

- Để phấn đấu trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu, bên cạnh hoạt động đào tạo, Nhà trường phải tập trung nguồn lực cho việc nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển đội ngũ nghiên cứu cả về số lượng và chất lượng trong điều kiện khó khăn về tài chính và nguồn thu từ hoạt động KH-CN ban đầu còn hạn chế.

- Dưới tác động của quá trình hội nhập và toàn cầu hoá và dễ dàng trong việc luân chuyển các nguồn lực, cán bộ công chức của nhà Trường dễ chuyển sang các tập đoàn, công ty, doanh nghiệp với mức thu nhập cao hơn và điều kiện thuận lợi hơn là một vấn đề phải cân nhắc của trường trong hiện tại và tương lai.

4.3. Điểm mạnh

- Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng có truyền thống và bề dày lịch sử hơn 40 năm và được xã hội đánh giá cao về chất lượng đào tạo. Từ nhiều năm qua, Trường đã xác lập được vị thế hàng đầu của mình trong lĩnh vực đào tạo cán bộ quản lý kinh tế ở khu vực Miền Trung - Tây Nguyên và trong cả nước. Học hiệu Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng đã và đang được khẳng định.

- Đảng bộ Trường vững mạnh, có nhiều Đảng viên lâu năm kiên định, vững vàng về chính trị tư tưởng, kết hợp với đội ngũ đảng viên trẻ có phẩm chất chính trị tốt, năng động đã tạo nên hạt nhân lãnh đạo Nhà trường, góp phần tạo nên sự phát triển và lớn mạnh không ngừng. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên của Trường đã phát huy mạnh mẽ vai trò và đóng góp tích cực cho sự phát triển trong tình hình mới.

- Đội ngũ cán bộ viên chức của Trường luôn đoàn kết, nhất trí, có tinh thần trách nhiệm cao, tận tâm trong công việc. Các thế hệ lãnh đạo của Nhà trường, Nhà giáo, các cán bộ lão thành luôn tâm huyết và có nhiều đóng góp cho định hướng phát triển của Nhà trường. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, chuyên viên trẻ rất tích cực, năng động, ham học hỏi và thường xuyên được nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Đội ngũ giảng viên, viên chức quản lý của Trường chất lượng cao, tâm huyết, có kinh nghiệm giảng dạy và uy tín khoa học. Hiện nay, trên 88% số cán bộ giảng dạy có trình độ thạc sĩ, đa số được đào tạo từ các trường đại học có uy tín ở trong và ngoài nước. Do vậy, Nhà trường có tiềm năng nghiên cứu khoa học, nhiều giảng viên có kinh nghiệm trong thực hiện nghiên cứu, phát triển có các công trình đăng trên tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước

- Cán bộ giảng dạy trẻ mới được tuyển dụng phần lớn có trình độ ngoại ngữ cao, thuận lợi cho việc tìm kiếm học bổng NCS và học thạc sĩ ở nước ngoài, ứng dụng nhanh chóng các công nghệ giảng dạy hiện đại.

- Các chương trình đào tạo, đặc biệt là các chương trình chất lượng cao, đã được xây dựng tiếp cận theo các tiêu chuẩn quốc tế, từng bước khẳng định sự phù hợp và đảm bảo chất lượng đầu ra theo đúng cam kết, được người học đánh giá cao. Nhiều trường uy tín trên thế giới đã chấp nhận chương trình đào tạo và đồng ý chuyển tiếp sinh viên.

- Nhiều cán bộ giảng viên đã nâng cao nhận thức về công tác đảm bảo chất lượng, thông hiểu quy trình xây dựng chương trình đào tạo, kiểm định trường và chương trình đào tạo; đã từng bước xây dựng văn hóa chất lượng trong Nhà trường.

- Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở tiếp thu chương trình đào tạo hiện đại từ các nước phát triển trên thế giới kết hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương; chương trình được phát triển theo đúng quy trình, thuận lợi cho việc kiểm định chương trình đào tạo theo chuẩn trong nước và quốc tế.

- Hoạt động hợp tác quốc tế đang được phát triển mạnh mẽ và thực chất, đi vào chiều sâu, đáp ứng cho yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ.

- Nhà trường đã tạo lập được các mối quan hệ rất vững vàng với các đơn vị trong liên kết đào tạo, với các địa phương, cộng đồng các doanh nghiệp, các trường đại học, các viện nghiên cứu trong và ngoài nước.

- Sinh viên trúng tuyển vào trường với điểm chuẩn cao, nhiều sinh viên rất giỏi ngoại ngữ, năng động, sáng tạo và nhiệt huyết. Đội ngũ cựu sinh viên đông đảo, nhiều người đã và đang nắm giữ các vị trí lãnh đạo quan trọng trong các cơ quan, doanh nghiệp; luôn hướng về Trường và mong mỗi được đóng góp bằng nhiều hình thức cho sự phát triển của Trường.

- Hệ thống cơ sở vật chất của Trường khá tốt với Hệ thống phòng học được đầu tư mới, trang bị đầy đủ các phương tiện giảng dạy; Hệ thống hạ tầng CNTT của Trường đã được đầu tư mạnh mẽ trong thời gian gần đây, đa số các hoạt động quản lý đã được tin học hóa; Hệ thống E-learning của trường đã được hình thành

từ rất sớm, đội ngũ cán bộ giảng viên, chuyên viên công nghệ thông tin rất giỏi về chuyên môn, năng động, nhiệt huyết trong công tác.

- Hệ thống thư viện được đầu tư lớn trong những năm gần đây và đang từng bước được số hóa và phát huy tác dụng tích cực.

4.4. Điểm yếu

- Mặc dù trong những năm gần đây đã được quan tâm đầu tư nâng cấp bằng nguồn vốn tự bổ sung của Trường, tuy nhiên cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện giảng dạy, học tập của trường chưa đáp ứng và chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập còn thiếu và chưa đồng bộ. Các khu giảng đường đã cũ và xuống cấp, trang thiết bị giảng dạy chưa theo kịp yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy. Trong khi đó các trường trong khu vực đã đầu tư trang bị khá hiện đại và có những bước phát triển nhanh chóng về cơ sở vật chất. Đây có thể được xem là khó khăn lớn nhất của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh đó, với diện tích chỉ khoảng 4,5 ha, việc phát triển quy mô trong dài hạn đã và đang bộc lộ nhiều bất cập.

- Nguồn lực tài chính còn hạn chế, chưa đủ sức để đưa Trường vươn lên một tầm cao mới đúng với tiềm năng và sự kỳ vọng của xã hội. Với đặc thù của trường đại học công lập, nguồn thu từ học phí của Nhà trường hiện đang bị giới hạn bởi quy định mức trần học phí của chính phủ. Điều này ảnh hưởng mang tính quyết định đến công tác đầu tư CSVC, nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học theo chuẩn quốc tế. Trong nhiều năm liền, Nhà trường không nhận được nguồn vốn đầu tư của Bộ GDĐT và tình hình này có khả năng sẽ tiếp tục duy trì trong những năm sắp đến. Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính không đưa các trường đào tạo khối ngành kinh tế vào danh mục ưu tiên cho các dự án đầu tư, vì vậy khó có thể kỳ vọng vào nguồn vốn đầu tư của NSNN.

- Công tác quản trị Trường đại học có nhiều tiến bộ nhưng vẫn chưa thực sự tương xứng với những mục tiêu và chiến lược phát triển của Nhà trường. Nhiều quy định, quy trình quản lý vẫn đang trong quá trình xây dựng và tiếp tục được hoàn thiện, bổ sung. Việc phân cấp quản lý cho các khoa, bộ môn vẫn còn đang trong quá trình triển khai. Hệ thống quản lý hành chính, quản lý đầu tư xây dựng cơ sở vật chất chưa theo kịp yêu cầu phát triển trường trong những năm tới.

- Chương trình đào tạo còn thiên về giảng dạy lý thuyết, chưa có nhiều phòng thực hành để sinh viên nâng cao các kỹ năng nghề nghiệp, mô phỏng các

tình huống thực tế để gắn lý thuyết với thực tiễn. Hiện nay Trường đang đào tạo quá nhiều chuyên ngành bậc đại học, trong đó có một số chuyên ngành xã hội ít có nhu cầu. Cơ cấu đào tạo theo chuyên ngành còn bất cập, còn có sự trùng lặp trong đào tạo một số chuyên ngành. Việc phân bổ nguồn lực cán bộ giảng dạy giữa các khoa, bộ môn đã và đang bộc lộ nhiều hạn chế. Một số ngành/ chuyên ngành còn thiếu đội ngũ cán bộ giảng dạy, cả về số lượng lẫn chất lượng. Trường chưa thực sự chủ động trong đào tạo và nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên.

- NCKH và tư vấn phát triển chưa tương xứng với vị thế và tiềm năng của trường đại học định hướng nghiên cứu. Năng lực nghiên cứu của nhiều giảng viên còn hạn chế, hoạt động nghiên cứu chỉ tập trung vào một số giảng viên, ở một số khoa, chuyên ngành nhất định. Đóng góp từ NCKH và hoạt động tư vấn vào nguồn thu của trường chưa cao. Mặt khác, một số cán bộ giảng viên vẫn chưa quan tâm đến hoạt động NCKH trong khi đó cơ chế thúc đẩy hoạt động này vẫn chưa thật sự có hiệu quả.

III. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

1. Mục tiêu chung

Trường Đại học Kinh tế xác định mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2015-2020 là xây dựng những nền tảng ban đầu nhằm phát triển trường Đại học theo định hướng nghiên cứu; là trung tâm hàng đầu trong đào tạo, NCKH, tư vấn chính sách và chuyển giao công nghệ quản lý kinh tế, góp phần tích cực trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở miền Trung - Tây Nguyên; từng bước đạt các tiêu chuẩn quốc tế để được xếp hạng trong nhóm các trường đại học thuộc lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh của khu vực Đông Nam Á.

2. Mục tiêu cụ thể

Để thực hiện mục tiêu chiến lược chung, Trường Đại học Kinh tế xác định những mục tiêu cụ thể trong giai đoạn 2015-2020 như sau:

2.1. Phát triển Nhà trường theo định hướng nghiên cứu

Các chỉ tiêu:

- Đến năm 2018, 100% giảng viên có trình độ sau đại học, trong đó tỉ lệ giảng viên có bằng tiến sĩ đạt trên 30%, có học hàm PGS/GS ít nhất 10%. Đến năm 2020, tỉ lệ giảng viên có bằng tiến sĩ là 35%. 80% giảng viên có thể giao tiếp tốt

bằng 1 ngoại ngữ, 30% các học phần trong các chương trình đào tạo chất lượng cao được giảng dạy bằng tiếng Anh

- Phân đầu 100% các khoa có nhóm nghiên cứu giảng dạy trong đó có ít nhất 50% các nhóm triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học gắn với nhu cầu các địa phương và doanh nghiệp và thực hiện hợp tác quốc tế trong nghiên cứu.

- Ít nhất 90% giảng viên có tham gia NCKH với các cấp độ và hình thức khác nhau, trong đó 50% giảng viên có tham gia đề tài NCKH các cấp hoặc có thực hiện công bố công trình khoa học hàng năm.

- Đến năm 2020 đạt chỉ tiêu 70% các ngành đào tạo bậc đại học có đào tạo sau đại học; tỷ lệ SV sau đại học phải chiếm tối thiểu 15% tổng số SV của Trường; bình quân mỗi năm có ít nhất 10 NCS bảo vệ luận án tiến sĩ.

- Phát triển Tạp chí Khoa học Kinh tế của Trường trở thành tạp chí uy tín trong cả nước, thuộc danh mục tạp chí tính điểm của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước với mức điểm từ 0,75-1 điểm.

- Mỗi tiến sĩ phải có ít nhất 01 bài báo khoa học mới hàng năm.

- Mỗi năm có ít nhất 10 bài báo, tham luận được đăng trên các tạp chí hoặc hội thảo quốc tế, trong đó có từ 01 đến 03 bài được đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, SCI, ABDC, Scopus...

- Mỗi năm có 7-10 giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo mới do giảng viên của Trường biên soạn.

- Hàng năm đều có SV đạt giải trong các cuộc thi sinh viên NCKH toàn quốc.

2.2. Về kiểm định chất lượng

Hoàn thành kiểm định chất lượng Nhà trường theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và đào tạo, từng bước tham gia kiểm định chương trình đào tạo theo chuẩn AUN.

Chỉ tiêu:

- Tất cả các chương trình đào tạo đều xây dựng theo chuẩn AUN.

- Phân đầu ít nhất 2 chương trình đào tạo được kiểm định theo tiêu chuẩn AUN vào năm 2017 và các chương trình khác lần lượt được kiểm định vào những năm tiếp theo.

- Thực hiện tự đánh giá 100% chương trình đào tạo hàng năm.

- Đến năm 2020 có ít nhất 50% chương trình được đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đến năm 2020, 100% các học phần có ngân hàng đề thi, trong đó ít nhất 30% các học phần có đề thi trắc nghiệm.

- 100% giảng viên được lấy ý kiến từ người học, 100% cán bộ quản lý được lấy ý kiến từ CBVC Nhà trường.

- 100% các học phần giảng dạy ở bậc đại học và sau đại học có tài liệu đưa lên hệ thống E-learning của Trường

2.3. Về quản trị đại học

Hoàn thiện hệ thống quản trị Nhà trường tiên tiến, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế trên nền tảng ứng dụng CNTT, tiếp tục xây dựng thái độ phục vụ và văn hóa ứng xử chuyên nghiệp, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý của từng đơn vị, tăng cường quyền tự chủ để phát huy tính tích cực, chủ động của các khoa và bộ môn, tăng cường trách nhiệm xã hội, tính minh bạch của các cá nhân và đơn vị trong mọi hoạt động.

2.4. Về tài chính

Phát triển các nguồn lực tài chính theo hướng đa dạng hóa và bền vững, tăng cường, mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, khai thác các hình thức huy động mới theo cơ chế mới, đặc thù tiến tới cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ tài chính. Phấn đấu thực hiện tự chủ về tài chính trước năm 2020.

2.5. Về cơ sở vật chất

Xây dựng quy hoạch tổng thể và kế hoạch chiến lược đầu tư cơ sở vật chất, bám sát các yêu cầu và tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá cơ sở vật chất của trường đại học để từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia và quốc tế.

- Phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ và hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học chất lượng cao theo yêu cầu của một trường đại học định hướng nghiên cứu.

- Phấn đấu hoàn thành công trình Nhà đa năng và Ký túc xá sinh viên Lào trước năm 2018.

- Từng bước triển khai thực hiện lộ trình chuyển dần các hoạt động vào Làng Đại học Đà Nẵng tại Hòa Quý. Phấn đấu hoàn thành các thủ tục để được Đại học Đà Nẵng và các cơ quan hữu quan giao đất tại Làng Đại học Đà Nẵng trước năm 2018 để Nhà trường chủ động xây dựng quy hoạch và huy động các nguồn lực để đầu tư.

IV. GIẢI PHÁP

Để thực hiện các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2015-2020, Nhà trường xác định những giải pháp cơ bản sau:

1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức Trường theo Điều lệ Trường đại học, Quy chế Đại học vùng; kiện toàn, củng cố, hoàn thiện các khoa, phòng, trung tâm trong Trường vững mạnh, đủ năng lực quản lý và điều hành mọi hoạt động của Trường theo Luật giáo dục đại học và theo quy chế đại học Vùng, phù hợp với tình hình thực tiễn và xu hướng phát triển của xã hội.

- Xây dựng và phát triển Khoa Tiếng Anh chuyên ngành, Khoa Kinh tế học; tổ chức và sắp xếp các khoa Kinh tế chính trị, Lý luận chính trị và một số bộ môn trực thuộc các khoa khác phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển của Nhà trường.

- Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý đi đôi với việc thực hiện phân cấp, phân quyền triệt để cho các khoa, phòng, trung tâm. Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị cũng như phát huy tính chủ động sáng tạo của mọi thành viên để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Hoàn thiện quy chế về công tác tổ chức và hoạt động của Trường và các khoa, phòng, trung tâm nhằm đảm bảo và tăng cường khả năng tham mưu, phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị trong Trường. Chỉ đạo các cấp chính quyền duy trì nề nếp, thực hiện tốt mọi quy chế, quy định và nội quy của cấp trên cũng như của Trường.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý trên cơ sở tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ CNTT trong tất cả các hoạt động đào tạo, hành chính, nhân sự, tài chính,... Thực hiện cơ chế một cửa trong tiếp nhận và giải quyết các yêu cầu, nguyện vọng của CBVC và SV.

- Quan tâm giải quyết những vấn đề bức xúc của CBVC và SV. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi và kịp thời chấn chỉnh việc thực hiện quy chế đào tạo, thi cử, tốt nghiệp, chương trình giảng dạy, phân công giảng dạy,...

- Thực hiện các chính sách khen thưởng, kỷ luật CBVC trên cơ sở xây dựng các tiêu chí đánh giá rõ ràng, minh bạch.

- Thường xuyên triển khai thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong Nhà trường.

2. Nâng cao số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ

- Phát triển số lượng cán bộ giảng viên theo lộ trình hợp lý; có chính sách thu hút những người có trình độ tiến sỹ; tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ. Có chính sách sắp xếp, bố trí, điều chỉnh cơ cấu giảng viên giữa các khoa, bộ môn một cách linh hoạt và hợp lý nhằm khai thác hiệu quả nguồn lực hiện có. Chỉ tuyển mới các CBGD có bằng sau đại học sau khi đã cân đối nguồn lực CBGD từ các khoa nhưng vẫn chưa đảm bảo nhu cầu và xem năng lực ngoại ngữ là tiêu chí quan trọng khi tuyển dụng, ưu tiên gửi cán bộ đi đào tạo ở nước ngoài.

- Phát triển đội ngũ nghiên cứu viên, nâng cao năng lực nghiên cứu của giảng viên.

- Xây dựng và thực hiện đề án đào tạo đội ngũ cán bộ giảng dạy, giao chỉ tiêu cử cán bộ đi học nghiên cứu sinh, đăng ký làm PGS/GS cho từng khoa, tăng cường hơn nữa vai trò cũng như quyền tự chủ của các khoa, các bộ môn trong công tác xác định nhu cầu tuyển dụng.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, thường xuyên bồi dưỡng đội ngũ làm lực lượng kế thừa cho công tác quản lý ở các vị trí chủ chốt. Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ kinh phí cho cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý và phục vụ được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tổ chức bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp giảng dạy hiện đại và phương pháp đánh giá kết quả học tập cho giảng viên, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho các chuyên viên.

- Thực hiện có nề nếp và hiệu quả yêu cầu đánh giá cán bộ, giảng viên, chủ động bố trí sắp xếp lại các cán bộ, giảng viên chưa đủ tiêu chuẩn theo vị trí nghề nghiệp.

3. Điều chỉnh hợp lý cơ cấu các ngành đào tạo

- Tăng dần tỷ lệ đào tạo sau đại học, đổi mới mô hình đào tạo để tăng tính liên thông giữa các bậc đại học, cao học và tiến sĩ.

- Mở thêm ngành mới cho bậc tiến sĩ và thạc sĩ, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

- Tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo của các chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu xã hội, phù hợp với điều kiện và nguồn lực của Nhà trường. Không mở thêm và tiến tới chấm dứt đào tạo các chuyên ngành mà xã hội không có nhu cầu.

- Tiếp tục nghiên cứu nhu cầu xã hội và chuẩn bị tốt các điều kiện để mở thêm các chuyên ngành chất lượng cao, phân đầu các chương trình chất lượng cao chiếm tối thiểu 50% số chương trình đào tạo tại trường.

4. Đổi mới mạnh mẽ chương trình, phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội

- Thực hiện rà soát và điều chỉnh các chương trình đào tạo bậc đại học và sau đại học, trong đó xác định rõ mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra theo hướng đáp ứng nhu cầu thiết thực của xã hội về nguồn nhân lực, phát triển năng lực học tập suốt đời cho người học. Chương trình đào tạo phải đảm bảo chuẩn hóa và hiện đại hóa, tiếp cận trình độ các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, đảm bảo tính liên thông giữa các ngành, các hệ đào tạo, liên thông với chương trình đào tạo của các trường trong và ngoài nước.

- Tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy tích cực, chú trọng phát triển các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm thông qua các hoạt động ngoại khóa, tăng cường khối kiến thức thực hành đi đôi với đa dạng hóa các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học.

5. Phát triển hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ

Nhà trường ưu tiên nguồn lực để phát triển hoạt động NCKH, gắn kết hoạt động nghiên cứu với đào tạo và xem đây là động lực để nâng cao chất lượng đào tạo.

- Xây dựng chiến lược nghiên cứu khoa học công nghệ của Nhà trường giai đoạn 2015-2020, xây dựng một số nhiệm vụ KHCN xuất phát từ nhu cầu phát triển

kinh tế - xã hội, ưu tiên các nhiệm vụ góp phần phát triển kinh tế xã hội ở Đà Nẵng, Quảng Nam, các tỉnh miền Trung và tây Nguyên.

- Tăng cường nhiều đề tài có tính thực tiễn đối với địa phương, gắn kết công tác NCKH với các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương, tăng cường các hoạt động tư vấn chính sách cho Thành phố Đà Nẵng và các tỉnh trong khu vực. Triển khai hoạt động với nhiều đơn vị, tổ chức trong phạm vi cả nước để thực hiện các thỏa thuận đã ký kết, gắn kết nhiều hơn nữa giữa nghiên cứu khoa học với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ giảng viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đẩy mạnh hoạt động các nhóm nghiên cứu-giảng dạy (TRT) làm hạt nhân phát triển NCKH. Xây dựng Trường thành cơ sở Đào tạo và Nghiên cứu Khoa học có chất lượng và uy tín.

- Đưa tiêu chí hoạt động nghiên cứu khoa học thành tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá giảng viên. Phần đầu mỗi cán bộ giảng dạy có ít nhất 1 bài báo khoa học được đăng mỗi năm. Các giảng viên tham gia đào tạo cao học, nghiên cứu sinh phải có ít nhất 1 điểm công trình mỗi năm.

- Thể chế hóa nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng dạy, đặc biệt là đội ngũ cán bộ giảng viên chính, cán bộ có học hàm học vị cao. Có chế độ, chính sách động viên, khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia công tác NCKH.

- Tăng số bài báo đăng trên các tạp chí trong nước, đẩy mạnh công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế có uy tín.

- Dành kinh phí phù hợp cho phát triển hoạt động NCKH, hỗ trợ đăng ký và thực hiện các đề tài NCKH các cấp, đặc biệt là đề tài cấp Nhà nước; đẩy mạnh các nghiên cứu ứng dụng theo nhu cầu của địa phương.

- Tăng cường phối hợp với các đối tác, các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước tổ chức các hội thảo mang tầm quốc tế, quốc gia, phát triển Tạp chí Khoa học Kinh tế của Trường trở thành tạp chí uy tín trong cả nước, phần đầu được xếp trong danh mục tạp chí tính điểm của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước với mức điểm từ 0,75-1 điểm.

- Đề xuất các dự án nghiên cứu hợp tác quốc tế thông qua các chương trình Nghị định thư, các chương trình của cộng đồng châu Âu... Ngoài ra, cần khai thác

hiệu quả nguồn kinh phí từ Quỹ Khoa học và Công nghệ quốc gia để thực hiện các dự án hợp tác nghiên cứu.

- Kết hợp chặt chẽ việc NCKH với đào tạo sau đại học, huy động tiềm năng nghiên cứu của các NCS và học viên cao học, chuyển công tác đào tạo sau đại học gắn kết hơn nữa với các Khoa/Bộ môn. Đẩy mạnh hơn nữa công tác NCKH sinh viên, phân đấu hàng năm đều có SV đạt giải trong các cuộc thi sinh viên NCKH toàn quốc.

6. Xây dựng văn hóa chất lượng, thực hiện kiểm định chất lượng

- Thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng của Trường, xây dựng quy hoạch tổng thể và chiến lược đảm bảo chất lượng giai đoạn 2015-2020.

- Ban hành Sổ tay đảm bảo chất lượng, hệ thống công cụ, quy trình, hướng dẫn thực hiện triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng cho toàn trường đến từng khoa/phòng/bộ môn.

- Thực hiện định kỳ việc đánh giá nội bộ để tự điều chỉnh thông qua các hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu SV, người sử dụng lao động về hoạt động giảng dạy, chương trình đào tạo, giảng viên; định kỳ thực hiện đánh giá kết quả quản lý lãnh đạo đối với Ban giám hiệu, lãnh đạo các khoa/phòng.

- Tham gia hoạt động kiểm định chất lượng Trường đại học của Bộ giáo dục và Đào tạo và đảm bảo đạt các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng theo quy định.

- Tất cả các chương trình đào tạo đều xây dựng theo chuẩn AUN. Phần đầu ít nhất 2 chương trình đào tạo được kiểm định theo tiêu chuẩn AUN vào năm 2017 và hết nhiệm kỳ có ít nhất 50% chương trình được đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện nghiêm chỉnh 3 công khai và cam kết thực hiện các chuẩn đầu ra đã công bố.

- Tiếp tục đổi mới công tác khảo thí, trong đó chú trọng hoàn thiện các quy trình tổ chức đánh giá kết quả học tập, xây dựng ngân hàng đề thi có chất lượng và ứng dụng CNTT trong công tác tổ chức kiểm tra đánh giá.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế, mở rộng mạng lưới liên kết quốc tế và các chương trình đào tạo có liên kết quốc tế

- Tập trung xây dựng và cập nhật thông tin thường xuyên cho trang web bằng tiếng Anh để quảng bá hình ảnh và tìm kiếm cơ hội hợp tác.

- Tích cực xây dựng các đề án hợp tác song phương, đa phương với các trường đại học, các tổ chức giáo dục uy tín trên thế giới nhằm hỗ trợ cải tiến và kiểm định chương trình đào tạo, tạo cơ hội cho giảng viên, SV có điều kiện tiếp cận với các chương trình đào tạo tiên tiến và các cơ hội học tập với nước ngoài thông qua các chương trình liên kết.

- Chú trọng đẩy mạnh hợp tác quốc tế thông qua các cán bộ giảng viên đã và đang được đào tạo tại nước ngoài. Tăng cường hoạt động trao đổi giảng viên với các trường đại học liên kết cũng như thực hiện các dự án, nhóm nghiên cứu chung giữa các nhà khoa học của Trường với các chuyên gia, giáo sư và nhà khoa học từ các nước tiên tiến, các đơn vị liên kết nước ngoài.

- Ban hành tiêu chuẩn ngoại ngữ đối với giảng viên, cán bộ quản lý và cán bộ lãnh đạo, có chương trình bồi dưỡng, đánh giá năng lực ngoại ngữ theo các tiêu chuẩn đặt ra.

- Tăng cường tìm kiếm các dự án, các nguồn tài trợ nhằm tạo cơ hội cho cán bộ giảng viên được đi đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, tham dự hội nghị và trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài.

- Có chính sách hỗ trợ thúc đẩy việc giảng dạy bằng tiếng Anh trong các chương trình đào tạo, đặc biệt là chương trình tiên tiến, CLC.

- Đa dạng hóa các chương trình hợp tác quốc tế, liên kết với các trường đại học trên thế giới để phát triển loại hình đào tạo 2+2, 3+1, chuyển tiếp SV, nhất là SV chương trình CLC sang học các năm cuối ở nước ngoài, phát triển thêm một số chương trình liên kết đào tạo quốc tế, đặc biệt là chương trình liên kết đào tạo quốc tế ở bậc sau đại học.

- Chú trọng thiết kế chương trình đào tạo dựa trên cơ sở các chương trình quốc tế đã được kiểm định, khuyến khích việc sử dụng giáo trình nước ngoài làm giáo trình hoặc tài liệu tham khảo.

- Tăng cường tìm kiếm các dự án đầu tư cơ sở vật chất và đào tạo nguồn nhân lực từ các đối tác, các tổ chức nước ngoài. Đặc biệt chú trọng phát triển hợp

tác sâu rộng với một số trường đại học đã có mối quan hệ truyền thống như Yokohama (Nhật Bản), Aston (Anh),... tích cực mời thỉnh giảng đối với các giáo sư, giảng viên danh tiếng ở các trường liên kết nước ngoài.

- Tăng cường quan hệ hợp tác với các trường đối tác nước ngoài để thực hiện trao đổi sinh viên hoặc chuyển tiếp sinh viên ra nước ngoài học tập, trao đổi văn hóa và tiếp nhận sinh viên quốc tế đến học tập, thực tập nghề nghiệp tại Trường. Phấn đấu mỗi năm có ít nhất 10 sinh viên được học chuyển tiếp tại các trường đại học trên thế giới theo chương trình 3+1 hoặc 2+2.

8. Triển khai mô hình quản trị đại học tiên tiến

Nghiên cứu xây dựng mô hình quản trị trường đại học theo hướng tự chủ, hiện đại, hiệu quả. Dành kinh phí thích đáng cho việc mời chuyên gia, nhà quản lý và cử cán bộ học tập kinh nghiệm xây dựng mô hình quản trị trường đại học.

Từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý của Trường theo định hướng quản lý tổng thể trên nền tảng ứng dụng CNTT ở trình độ cao, thực hiện hệ thống quản lý TQM nhằm đảm bảo chất lượng toàn diện. Cụ thể, Nhà trường thực hiện đầu tư kinh phí thích đáng cho việc hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin và triển khai ứng dụng CNTT trong toàn bộ quá trình hoạt động và quản lý, tập trung phát triển hệ thống E-learning và đào tạo trực tuyến, hướng đến xây dựng mô hình công nghệ dạy học trực tuyến và trường học điện tử của Trường một cách thống nhất, đồng bộ. Tăng cường bồi dưỡng năng lực và kỹ năng quản lý, tăng cường và khuyến khích tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người lãnh đạo, phát huy tính chủ động sáng tạo của tất cả CBVC. Chú trọng xây dựng và phát triển các giá trị văn hóa Nhà trường đã công bố.

9. Thực hiện tự chủ về tài chính

- Xây dựng đề án về tự chủ tài chính, tiến đến có thể thực hiện tự chủ tài chính trước năm 2020.

- Tăng cường công tác quản lý tài chính theo hướng hiệu quả, trong đó chú trọng cả khâu tìm kiếm và đa dạng hóa nguồn thu cũng như khâu lập kế hoạch và kiểm soát chi;

- Xây dựng cơ chế tài chính công khai, minh bạch và công bằng. Hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và của các đơn vị trực thuộc theo hướng hợp

lý, phù hợp với xu hướng chung về quản lý tài chính của Việt Nam đồng thời mang tính kích thích tốt hơn, hạn chế tính bình quân chủ nghĩa;

Xây dựng kế hoạch hoạt động của Trường luôn đi đôi việc huy động các nguồn thu, khai thác nội lực để tăng nguồn thu từ học phí, NCKH và các hoạt động dịch vụ.

10. Tăng cường cơ sở vật chất

- Tiếp tục hoàn thiện quy hoạch tổng thể phát triển cơ sở vật chất dài hạn của Nhà trường, trong đó từng bước cụ thể hóa chủ trương di chuyển một phần hoạt động của Trường vào Làng đại học Đà Nẵng tại Hòa Quý;

- Lập kế hoạch trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, cải thiện điều kiện giảng dạy, học tập. Tăng số lượng phòng học và tăng tỷ lệ các phòng học có trang bị các phương tiện nghe nhìn hiện đại. Cải tạo các phòng học đảm bảo yêu cầu cho các lớp chất lượng cao.

- Xây dựng các hướng dẫn cụ thể nhằm khai thác tối đa trang thiết bị, cơ sở vật chất, tăng cường quản lý tài sản và sử dụng có hiệu quả tài sản hiện có, tuyệt đối tiết kiệm, chống lãng phí.

- Mở rộng hệ thống mạng, đảm bảo toàn bộ hệ thống hoạt động ổn định. Đẩy mạnh tiến độ công tác tin học hóa chung trong toàn trường, đặc biệt là phân hệ đào tạo sau đại học.

- Phát triển Thư viện thành trung tâm thông tin tư liệu theo mô hình Thư viện điện tử và thư viện kỹ thuật số, đáp ứng tốt nhất nhu cầu thông tin để Thư viện là nơi học tập, nghiên cứu cho đông đảo cán bộ giảng viên và SV.

- Đầu tư trang bị giáo trình của các trường uy tín trên thế giới đi đôi với việc khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho công tác viết giáo trình và sách tham khảo phục vụ đào tạo đại học, sau đại học.

- Huy động và tranh thủ mọi nguồn vốn từ nguồn thu học phí, kinh phí từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHĐN, các nguồn dự án, vốn tài trợ, vốn vay,... để triển khai hoàn thành công trình Nhà đa năng và khu Ký túc xá cho SV Lào. Chuẩn bị nguồn lực để xây dựng mới khu giảng đường C.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT

Chiến lược phát triển của Nhà trường là sự thể hiện cao nhất ý chí, nguyện vọng của các thế hệ cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường, là sự tiếp nối của quá khứ - hiện tại – tương lai. Vì vậy, để thực thi chiến lược có hiệu quả cần phải làm cho tất cả mọi người đều hiểu và ủng hộ các mục tiêu cũng như giải pháp chiến lược đã được đề ra và thông qua.

Phương hướng của công tác này là làm tốt công tác phổ biến chiến lược phát triển của Nhà trường đến toàn bộ cán bộ, đảng viên, sinh viên và học viên sau đại học cũng như các nhóm hữu quan. Làm cho tất cả mọi người đồng thuận và nhận thức sâu sắc ý thức trách nhiệm của mình đối với việc thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường, không ngừng phấn đấu xây dựng Trường Đại học Kinh tế sớm trở thành một trường đại học định hướng nghiên cứu có chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học tiếp cận với trình độ quốc tế.

Bên cạnh đó, việc quảng bá chiến lược phát triển, các mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường đến toàn thể cộng đồng xã hội cũng cần được đẩy mạnh nhằm công bố cho xã hội biết, qua đó nhận được sự chia sẻ, hỗ trợ của cộng đồng.

Chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng giai đoạn 2015-2020 được cụ thể hóa thành kế hoạch, nhiệm vụ năm học của Nhà trường, được phổ biến rộng rãi đến từng phòng, ban, trung tâm, khoa và các bộ môn trực thuộc trong toàn Trường. Tổ chức thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020 là nhiệm vụ trọng tâm của Trường.

Các đơn vị trong Trường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học của đơn vị mình trên cơ sở kế hoạch, nhiệm vụ chung của Nhà trường và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đề ra. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh chủ động, sáng tạo xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển Trường ĐHNN.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá việc thực hiện Chiến lược (vào dịp tổ chức hội nghị CBVC và tổng kết năm học), trên cơ sở đó xác định, điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu của Nhà trường trong năm học tiếp theo cho phù hợp với thực tiễn.

Đến năm 2020 sẽ tổ chức đánh giá toàn diện việc thực hiện Chiến lược của Nhà trường, làm căn cứ cho việc xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển cho giai đoạn tiếp theo./.

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký và đóng dấu)

PGS.TS. Nguyễn Mạnh Toàn